

Bản án số: 41/2022/HS-ST

Ngày: 13-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Bà Đàm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H (tên gọi khác: Hương), sinh năm: 1962 tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 2, xã Tiến Hưng, thành phố A, tỉnh B; Nơi cư trú: 4/140 đường A, tổ 9, khu phố 1, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Kh (chết) và bà: Vũ Thị T (chết); chồng: Nguyễn Văn Th (bị cáo trong vụ án); Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền sự, tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2021 tại Nhà tạm giữ - Công an Quận 10.

2. Lê Bá Ch, sinh ngày 19/11/1962 tại Nam Định; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 75/1 đường số 10, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 75/1 đường số 10, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ học vấn: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Bá Ch (chết) và bà: Nguyễn Thị S (chết); vợ: Đỗ Thị Hồng Th; Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền sự, tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2021 tại Nhà tạm giữ - Công an Quận 10.

3. Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/11/1974 tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, Phường A, Thành phố B, tỉnh C; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Th (chết) và bà: Nguyễn Thị G; tiền sự, tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2021 tại Nhà tạm giữ - Công an Quận 10.

4. Đỗ Thị S, sinh ngày 30/01/1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 266/40/62 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 148/12/7/39 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vô danh và bà: Đỗ Thị T (chết); chồng: Nguyễn Văn M; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền sự, tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2021 tại Nhà tạm giữ - Công an Quận 10.

5. Trần Văn S, sinh ngày 12/4 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 170/33 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 170/33 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn Q (chết) và bà: Trần Thu H; tiền sự, tiền án: không; nhân thân: Ngày 06/6/2002, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định đi cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2021 tại Nhà tạm giữ - Công an Quận 10.

6. Nguyễn Văn Th, sinh ngày 19/11/1971 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 338/41/9 đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 4/140 đường A, tổ 9, khu phố 1, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chạy xem ôm; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Th (chết) và bà: Bùi Thị H (chết); tiền sự, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại.

7. Nguyễn Thị Thùy Linh Tr, Sinh ngày 02/7/1990 tại Bình Phước; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 95/6 Khu phố 1, Phường A, Thành phố B, tỉnh C;

Nơi cư trú: 134 đường Thạnh Lộc 41, tổ 11, khu phố 1, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình Q (chết) và bà: Nguyễn Thị H (bị cáo trong vụ án); chồng: Trà Khánh Ng; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm: 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

(Các bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1. Bà Bùi Thị Ngọc D, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã Suối Nho, huyện A, tỉnh B

2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Long Trị, thị xã A, tỉnh B.

3. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 105/14A đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thu H, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: 170/33 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Quang Th, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: 170/33 đường A, Phường B, Quận C., Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị H là đối tượng thường xuyên trộm cắp tại các bệnh viện trên địa bàn. Bị cáo H cũng biết các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Bá Ch, Đỗ Thị S cũng là đối tượng trộm cắp tại bệnh viện. Ngày 20/12/2021, bị cáo H đến cổng Viện Tim, số 04 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây bị cáo H liên lạc với các bị cáo Lê Bá Ch, Nguyễn Văn T, Đỗ Thị S tại quán nước gần Viện Tim để cùng nhau trộm cắp tài sản của những bệnh nhân tại Viện Tim. Bị cáo Ch rủ thêm bị cáo Trần Văn San cùng tham gia với nhiệm vụ chở bị cáo Ch đi trộm cắp và đứng ngoài chờ bị cáo Ch tẩu thoát khi bị phát hiện. Bị cáo H rủ bị cáo Nguyễn Văn Th và bị cáo Nguyễn Thị Thùy Linh Tr tham gia. Bị cáo H phân công nhiệm vụ và cả nhóm thống nhất như sau: Hàng ngày, khoảng 05 giờ tất cả đến Viện Tim. Khi tất cả có mặt tại cổng thì các bị cáo H, Ch, T và S đi vào Viện Tim để thực hiện hành vi móc túi. Các bị cáo T và Ch làm nhiệm vụ đàn cảnh, chen lấn, bị cáo S làm nhiệm vụ cảnh giới, bị cáo H thực hiện hành vi móc túi. Bị cáo Th được phân công nhiệm vụ đứng chờ ở phía ngoài để chở bị cáo H tẩu thoát nếu bị phát hiện. Bị cáo Tr có nhiệm vụ đứng ngoài cổng Viện Tim khi nào bị cáo H gọi thì bị cáo Tr sẽ vào hỗ trợ

cho bị cáo H tẩu tán tài sản. Bị cáo San có nhiệm vụ chờ bị cáo Ch đến Viện Tim và chờ bị cáo Ch tẩu thoát khi bị phát hiện. Bị cáo H sẽ đứng ra phân chia tiền chiếm đoạt được theo ngày, trong ngày chiếm đoạt được bao nhiêu thì chia cho bị cáo S 500.000 đồng, còn lại chia đều cho các bị cáo H, Ch, T. Bị cáo S được bị cáo Ch cho 300.000 đồng/ngày nếu không trộm được thì cho 100.000 đồng. Bị cáo Th và bị cáo Tr thì được bị cáo H cho tiền riêng. Bị cáo H cho bị cáo Tr mỗi ngày từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng. Ngày 20/12/2021, bị cáo H không cho tiền; ngày 21/12/2021 được cho 300.000 đồng; ngày 22/12/2021, bị cáo H không cho tiền. Ngày 23/12/2021, bị cáo H chưa cho tiền. Bị cáo Hưng cho bị cáo Nguyễn Văn Th mỗi ngày từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Ngày 20/12/2021, bị cáo được bị cáo H cho 100.000 đồng; ngày 21/12/2021 bị cáo H không cho tiền; ngày 22/12/2021, bị cáo H cho 200.000 đồng. Ngày 23/12/2021 bị cáo H chưa cho tiền thì bị phát hiện.

Ngày 21/12/2021, cả nhóm đến Viện Tim để thực hiện hành vi trộm cắp như đã bàn bạc thống nhất. Tuy nhiên, khi đến thì cả nhóm thấy bảo vệ đứng canh nên cả nhóm đi về. Ngày 22/12/2021, cả nhóm tiếp tục đến Viện Tim vào xếp hàng nhưng do thấy ít người xếp hàng và có bảo vệ đứng canh nên nhóm H không thực hiện được. Đến ngày 23/12/2021, cả nhóm lại tiếp tục đến Viện Tim, trà trộn vào đám đông tại bàn đăng ký thông tin thực hiện được ba vụ chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

- Khoảng 05 giờ 33 phút ngày 23/12/2021 bà Bùi Thị Ngọc Dung đang đứng xếp hàng trước quầy thu ngân, trên tay cầm giấy kê trên lan can viết thì các bị cáo S, H, Ch đi tới sau lưng tiếp cận bà Dung. Bị cáo S đứng sau lưng bên phải, bị cáo H đứng ngay sau lưng, bị cáo Ch đứng sau bên trái bà Dung. Bị cáo Ch chen lên tác động vào người bà Dung; bị cáo H đưa tay phải móc vào túi áo bà Dung lấy được 2.000.000 đồng (gồm 4 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), rồi xoay người lại bỏ tiền vừa lấy được vào túi áo khoác và đi ra ngoài.

- Đến 05 giờ 36 phút cùng ngày, khi phát hiện bà Trần Thị Mỹ đứng cầm giấy trên bàn ghi tờ khai y tế thì các bị cáo T, Ch, S, H đến tiếp cận đứng ngay sau lưng bà Mỹ. Bị cáo S, T, H đứng quanh bà Mỹ che chắn cho bị cáo Ch áp sát bà Mỹ dùng tay phải cầm dao lam rạch một đường làm rách túi áo phía trong của bà Mỹ (bà Mỹ không cài khóa áo), đưa tay trái móc lấy cọc tiền 660.000 đồng trong túi áo khoát của bà Mỹ. Lấy được tiền bị cáo Ch chuyển qua cho bị cáo H cất. Bị cáo H nhận được tiền liền cất trong túi áo khoác. Sau đó, cả bốn bị cáo S, Ch, H và T đi ra ngoài.

- Đến khoảng 05 giờ 42 phút cùng ngày, bà Trần Thị Thu H đang đứng viết khai báo thì các bị cáo T, Ch, H và S áp sát bà Hà. Bị cáo T đứng bên phải, bị cáo Ch đứng bên trái, bị cáo H đứng phía sau, bị cáo S đứng kế bên bị cáo Ch.

Lúc này, bị cáo Ch dùng dao lam rạch một đường trên túi áo khoác bên trái của bà H; bị cáo H liền chồm người về phía bà H dùng tay phải lấy cọc tiền 16.000.000 đồng, trong túi áo bà H. Lấy được tiền bị cáo H liền cất trong túi áo đồng thời ra hiệu cho đồng bọn rút lui. Cùng lúc bà Dung và bà Hà phát hiện mất tiền nên la lên.

Qua quan sát camera an ninh của Viện Tim, Tổ trình sát Công an Quận 10 bắt giữ bị cáo T và bị cáo S tại quầy thu ngân Viện Tim. Riêng bị cáo H bỏ chạy vào nhà vệ sinh trốn, khi đến hàng cây trong khuôn viên Viện Tim thì vứt bỏ toàn bộ số tiền chiếm đoạt được trong bụi cây. Tại nhà vệ sinh, bị cáo H gọi điện thoại cho bị cáo Tr vào, cầm ba lô mang ra ngoài để H tẩu thoát nhưng sau đó bị cáo H bị bảo vệ Viện Tim phát hiện giao Công an Quận 10 làm việc. Bị cáo Ch bỏ chạy ra ngoài đường Dương Quang Trung, leo lên xe máy của bị cáo San ngồi chờ sẵn ở trước Viện Tim chờ đi tẩu thoát, đồng thời bị cáo Ch điện thoại cho bị cáo Th thông báo việc trộm cắp đã bị Công an phát hiện, bị cáo Th phải nhanh chóng canh rước bị cáo H tẩu thoát. Bị cáo Th chưa đón được bị cáo H thì bị bắt giữ. Bị cáo San chờ bị cáo Ch đi về hướng đường Thành Thái, đến trước Trường THPT Diên Hồng thì cả hai bị Trình sát hình sự Công an Quận 10 bắt giữ. Bị cáo Tr thấy mọi người bị bắt nên cầm balo của bị cáo H đi bộ ra ngoài đón xe về Biên Hòa - Đồng Nai. Đến 09 giờ ngày 23/12/2021, bị cáo Tr đến Công an Quận 10 trình diện và giao nộp lại ba lô đã giữ của bị cáo H.

Tại Cơ quan Cảnh sát Công an Quận 10, các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Bá Ch, Nguyễn Văn T, Đỗ Thị S, Trần Văn San, Nguyễn Thị Thùy Linh Tr và Nguyễn Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- Thu giữ của bị cáo H:

+ Số tiền 2.000.000 đồng và 660.000 đồng, của bà Bùi Thị Ngọc Dung và Trần Thị Mỹ bị chiếm đoạt. Cơ quan CSĐT Công an Quận 10 đã xử lý vật chứng trả lại cho bà Dung, bà Mỹ.

+ Số tiền 500.000 đồng, thu giữ được trong người của bị cáo H là tài sản cá nhân, không liên quan đến vụ án.

+ Một điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh có số seri: 357751101026307 gắn sim số: 0338149639, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Một áo khoác màu xám, 01 nón tay bèo màu nâu, 01 balo màu đen có hai quai đeo, 01 túi hồ sơ bệnh nhân: là trang phục bị cáo H mặc và cầm khi thực hiện hành vi phạm tội.

- Thu giữ của bị cáo Ch:

- + Số tiền 1.500.000 đồng là tài sản cá nhân, không liên quan đến vụ án
- + 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số seri: 357678162004761 gắn sim: 0869031037, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.
- + 01 áo khoác màu xám là trang phục bị cáo Ch mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.
- Thu giữ của bị cáo S:
 - + Số tiền 1.000.000 đồng, là tài sản cá nhân của bị cáo S, không liên quan đến vụ án.
 - + Một điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri: 357751102731848 gắn sim: 0931851547, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.
 - + Một áo khoác màu xám, có nón đội phía sau; 01 giỏ xách màu kem, có 02 quai đeo và 01 nón tai bèo màu kem là trang phục bị cáo S mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.
 - Thu giữ của bị cáo T:
 - + Số tiền 2.000.000 đồng, là tài sản cá nhân của của bị cáo T, không liên quan đến vụ án.
 - + Một điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri: 356359053808713 gắn sim: 0355212199, bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội.
 - + Một túi xách màu đen, có quai đeo và 01 áo khoác màu xanh đen - là trang phục bị cáo T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.
 - + Sáu miếng dao lam, là công cụ bị cáo T chuẩn bị, mang theo để thực hiện hành vi phạm tội.
 - + Một xe máy hiệu Sirius, màu xám đen, biển số: 66K1 – 243.30, số khung: RLCUE1720GY016275, số máy: E3T6E135475. Qua xác minh do bà Lưu Thị Lượm (Vợ của bị cáo T nhưng không có đăng ký kết hôn) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Tháng 08/2021 do không có việc làm nên bị cáo T đã lấy xe của bà Lượm lên Thành phố Hồ Chí Minh chạy xe ôm, sau đó dùng làm phương tiện phạm tội bà Lượm không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, đã trả chiếc xe trên cho bà Lưu Thị Lượm.
 - Thu giữ của bị cáo San:
 - + Một điện thoại di động hiệu Realme, màu xanh, imei: 868383046284197 gắn sim số: 0964252664, bị cáo sử dụng để liên lạc việc phạm tội.
 - + Một xe máy hiệu Future, màu xám trắng đen, biển số: 59C1 – 257.82, có số khung: 500AY - 613650, số máy: JC35E – 3227728, bị cáo Sang sử dụng để

chở bị cáo Ch đi phạm tội. Qua xác minh do ông Phan Văn Quang là cha của bị cáo San đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo San khai, chiếc xe do cha mình là ông Phan Văn Quang mua vào tháng 08/2012 xe cho bị cáo San quản lý, sử dụng.

- Thu giữ của bị cáo Th:

+ Số tiền 1.000.000 đồng, cá nhân của bị cáo Thảo, không liên quan đến vụ án.

+ Một điện thoại di động hiệu Oppo, màu xanh đen, số imie: 86432605574 3631 gắn sim: 0909079541, bị can sử dụng vào việc phạm tội.

+ Một xe máy hiệu Future, màu ghi, biển số: 59S2 – 712.65, có số khung: RLHJAO2091Y236309, số máy: JA02E0236384, bị cáo Th sử dụng để chở bị cáo H và Tr đi phạm tội. Kết luận giám định số khung và số máy không thay đổi. Xác minh xe do ông Nguyễn Văn Thuận, là anh trai của bị cáo Th, đứng tên chủ sở hữu. Ông Thuận cho bị cáo Th mượn để chạy xe ôm, việc bị cáo Th sử dụng xe làm phương tiện phạm tội ông Thuận không biết. Cơ quan Cảnh điều tra Công an Quận 10 đã xử lý vật chứng trả chiếc xe cho ông Thuận.

- Thu giữ của bị cáo Tr: Một điện thoại di động hiệu Philips, màu đen, số imei: 86127703543642 gắn sim: 0359660105, bị cáo Tr sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 USB có nội dung ghi hình ảnh các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lưu hồ sơ vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đã có Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Bùi Thị Ngọc Dung và bà Trần Thị Mỹ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác. Đối với bị hại bà Trần Thị Thu Hà đã được các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Bá Ch, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Thùy Linh Tr bồi thường số tiền 16.000.000 đồng nên không có yêu cầu.

Tại Bản Cáo trạng số 43/CT-VKSQ10 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Bá Ch, Đỗ Thị S, Nguyễn Văn T, Trần Văn San, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Thùy Linh Tr về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đối với xã hội, bị hại, nêu lên tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải). Các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Bá Ch, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Thùy Linh Tr có thêm tình tiết giảm nhẹ đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Bị cáo H, bị cáo Ch có thêm tình tiết giảm nhẹ gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của địa phương. Bị cáo Nguyễn Văn Th có thêm tình tiết giảm nhẹ đang điều trị bệnh tim do huyết áp cao, thiếu máu tim và hở van 02 lá 1/4; đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo Tr đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính và nhân thân của các bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng với từng bị cáo xử phạt bị cáo:

Nguyễn Thị H từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù.

Lê Bá Ch từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Nguyễn Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Đỗ Thị S từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Trần Văn San từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị Thùy Linh Tr từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm tính từ ngày tuyên án; tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền do phạm tội mà có của bị cáo San, Th, Tr; miễn phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do các bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của các bị hại, người làm chứng, hình ảnh Camera ghi lại, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo đã có hành vi lên kế hoạch, bàn bạc phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện hành vi phạm tội và đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của các bị hại trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi lấy trộm số tiền 18.660.000 đồng. Do vậy các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Bá Ch, Đỗ Thị S, Nguyễn Văn T, Trần Văn San, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Thùy Linh Tr bị truy tố và xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong vụ án này, các bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò và tính chất mức độ hành vi khác nhau trong đó bị cáo H giữ hai vai trò vừa là người tổ chức vừa là người thực hành. Các bị cáo Lê Bá Ch, Nguyễn Văn T, Đỗ Thị S giữ vai trò là người thực hành và giúp sức tích cực hơn so với bị cáo Th, Trang, San. Đối với bị cáo Trần Văn San, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị Thùy Linh Tr là người giúp sức đứng ngoài cảnh giới, tẩu tán tài sản hoặc chở các bị cáo tẩu thoát khi bị phát hiện nên giữ vai trò thấp hơn so với các bị cáo còn lại. Do vậy Hội đồng xét xử cần phải phân hóa trách nhiệm hình sự của các bị cáo cho phù hợp cụ thể:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H: Bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội với hai vai trò vừa là người tổ chức vừa là người thực hành nên bị cáo H phải

chịu trách nhiệm cao hơn so với các bị cáo còn lại. Do vậy Hội đồng xét xử cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Đối với các bị cáo Lê Bá Ch, Đỗ Thị S, Nguyễn Văn T tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò người thực hành, giúp sức tích cực hơn so với các bị cáo còn lại. Do vậy Hội đồng xét xử cần phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Đối với bị cáo Trần Văn San: Bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án. Bị cáo Trần Văn San phạm tội lần đầu, chưa có tiền án nhưng bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo có nhân thân không tốt đã từng bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa đi cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng nên bị cáo Trần Văn San không đủ điều kiện để hưởng án treo. Do vậy Hội đồng xét xử cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Th và bị cáo Nguyễn Thị Thùy Linh Tr tham thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức giữ vai trò thứ yếu trong vụ án. Các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do vậy Hội đồng xét xử quyết định không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo, giao Ủy ban nhân dân phường nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và các bị cáo phải thực hiện đúng nghĩa vụ trong thời gian thử thách.

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy cần phải xử nghiêm bằng luật hình.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội hai lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Bá Ch, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Thùy Linh Tr có thêm tình tiết giảm nhẹ đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Bị cáo H, bị cáo Ch có thêm tình tiết giảm nhẹ gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của địa phương. Bị cáo Nguyễn Văn Th đang điều trị bệnh tim do huyết áp cao, thiếu máu tim và hở van 02 lá $\frac{1}{4}$; đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính. Bị cáo Tr đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng với từng bị cáo để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo. Ngoài ra xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu nên miễn áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Thị Ngọc Dung và bà Trần Thị Mỹ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác. Đối với bà Trần Thị Thu Hà đã được các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Bá Ch, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Thùy Linh Tr bồi thường số tiền 16.000.000 đồng nên không có yêu cầu gì khác.

Đối với số tiền 300.000 đồng, bị cáo Tr khai đây là số tiền mà bị cáo Hưng cho bị cáo Tr vào ngày 20/12/2021 (bị cáo H cho 100.000 đồng); ngày 22/12/2021 (bị cáo H cho 200.000 đồng), đối với số tiền 300.000 đồng bị cáo Th khai được bị cáo H cho. Đối với số tiền 300.000 đồng, bị cáo S khai được bị cáo Ch cho bị cáo San vào ngày 22/12/2021. Xét thấy các bị cáo đều thừa nhận việc cho nhận tiền và đây là số tiền do phạm tội mà có. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Bị cáo Nguyễn Văn Th và bị cáo Nguyễn Thị Thùy Linh Tr đã tự nguyện nộp số tiền trên cho Chi cục thi hành án dân sự Quận 10 theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005196 và biên lai AA/2021/0005197 ngày 12/7/2022. Bị cáo Trần Văn San có trách nhiệm giao nộp lại. Đối với số tiền các lần trước đó bị cáo San khai bị cáo Ch cho tổng

cộng 10 lần trong đó có 04 lần 300.000 đồng 06 lần 100.000 đồng. Xét thấy tại phiên tòa bị cáo Ch không thừa nhận lời khai của bị cáo San; ngoài lời khai của bị cáo San không có chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị H; số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê Bá Ch; số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Đỗ Thị S; số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T; số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Th. Đây là số tiền không liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo Ch; 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo S; 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Realme thu giữ của bị cáo San; điện thoại di động hiệu Oppo thu giữ của bị cáo Th; 01 điện thoại di động hiệu Philips thu giữ của bị cáo Tr. Đây là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc thực hiện tội phạm nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 áo khoác màu xám, 01 nón tay bèo màu nâu, 01 balo màu đen có hai quai đeo, 01 túi hồ sơ bệnh nhân là trang phục bị cáo H mặc và cầm khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 áo khoác màu xám là trang phục bị cáo Ch mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 áo khoác màu xám, có nón đội phía sau; 01 giỏ xách màu kem, có 02 quai đeo và 01 nón tai bèo màu kem là trang phục bị cáo S mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 túi xách màu đen, có quai đeo và 01 áo khoác màu xanh đen - là trang phục bị cáo T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy đây là trang phục các bị cáo mặc và cầm theo khi thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị, các bị cáo không nhận lại nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu và tiêu hủy.

Đối với 06 miếng dao lam. Xét thấy đây là công cụ bị cáo Nguyễn Văn T chuẩn bị mang theo để thực hiện hành vi phạm tội và không có giá trị. nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu và tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Future, màu xám trắng đen, biển số: 59C1 – 257.82, có số khung: 500AY - 613650, số máy: JC35E – 3227728, bị cáo Trần Văn San sử dụng để chở bị cáo Ch. Qua xác minh do ông Phan Văn Quang, là

cha của bị cáo San đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo San khai, chiếc xe do cha mình là ông Phan Văn Quang mua vào tháng 08/2012 xe cho bị cáo San quản lý, sử dụng. Ông Phan Văn Quang hiện đã chết vào tháng 8/2021 hiện ông Quang chỉ có bà Trần Thu Hà (vợ ông Quang) và ông Trần Quang Thái (con ông Quang). Tại phiên tòa ngày hôm nay bà Hà và ông Thái trình bày sau khi ông Quang mất thì bà Hà và ông Thái đồng ý cho bị cáo San sử dụng chiếc xe chứ chưa tặng cho hay chuyển nhượng cho bị cáo San. Ngày 23/12/2021 bị cáo San sử dụng chiếc xe trên phạm tội bà Hà và ông Thái không biết nên đề nghị Hội đồng xét xử cho nhận lại chiếc xe trên. Xét thấy chiếc xe trên do ông Phan Văn Quang đứng tên sở hữu và sau khi ông Quang mất các hàng thừa kế thứ nhất chưa đồng ý cho bị cáo San và việc bị cáo San sử dụng làm phương tiện phạm tội bà Hà ông Thái không biết. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định trả lại chiếc xe trên cho bà Trần Thu Hà, ông Trần Quang Thái đại diện quản lý.

Đối với 01 USB có nội dung ghi hình, được trích xuất từ camera an ninh của Viện Tim, Thành phố Hồ Chí Minh ghi lại hình ảnh các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền bà Dung, Mỹ, Hà. Lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; điểm c khoản 1 Điều 3; Điều 38; Điều 50; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị H;

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Bá Ch;

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Đỗ Thị S và bị cáo Trần Văn San;

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 50; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm

2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Nguyễn Văn Th và bị cáo Nguyễn Thị Thùy Linh Tr.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Bá Ch, Đỗ Thị S, Nguyễn Văn T, Trần Văn San, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Thùy Linh Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2021.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2021.

Xử phạt bị cáo Lê Bá Ch 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2021.

Xử phạt bị cáo Trần Văn San 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (13/7/2022).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy Linh Tr 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (13/7/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Th và bị cáo Nguyễn Thị Thùy Linh Tr cho Ủy ban nhân dân Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

(Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tịch thu và nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia , màu xanh có số seri: 357751101026307 gắn sim số 0338149639; 01 điện thoại di động Nokia, màu xanh số seri: 357678162004761 gắn sim 0869031037; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen số seri: 357751102731848 gắn sim:0931851547; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen số seri: 356359053808713 gắn sim: 0355212199; 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh imei: 868383046284197 gắn sim số 0964252664; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen có số imei: 864326055743631 có gắn sim 0909079541; 01 điện thoại di động hiệu Philips màu đen có số imei: 86127703543642 gắn sim 0359660105.

Trả lại chiếc xe 01 chiếc xe mô tô hiệu Future màu xám trắng đen biển số 59C1-25782, có số khung: 500AY - 613650, số máy: JC35E – 3227728 cho bà Trần Thu Hà đại diện quản lý chiếc xe trên.

Trả lại số tiền 500.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Thị H; trả lại số tiền 1.500.000 đồng cho bị cáo Lê Bá Ch; trả lại số tiền 1.000.000 đồng cho bị cáo Đỗ Thị S; trả lại số tiền 2.000.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Văn T; trả lại số tiền 1.000.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Văn Th.

Tịch thu và tiêu hủy đối với 01 áo khoác màu xám, 01 nón tay bèo màu nâu, 01 balo màu đen có hai quai đeo, 01 túi hồ sơ bệnh nhân; 01 áo khoác màu xám; 01 áo khoác màu xám, có nón đội phía sau; 01 giỏ xách màu kem, có 02 quai đeo và 01 nón tai bèo màu kem; 01 túi xách màu đen, có quai đeo và 01 áo khoác màu xanh đen và 06 miếng dao lam.

(Tình trạng vật chứng Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/6/2022 giữa Công an Quận 10 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10).

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bị cáo Trần Văn Sang phạm tội mà có. Bị cáo Trần Văn San có trách nhiệm giao nộp lại.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền 600.000 đồng {bị cáo Nguyễn Văn Thảo 300.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Thùy Linh Tr số tiền 300.000 đồng} do bị cáo Th và bị cáo Tra phạm tội mà có. Bị cáo Nguyễn Văn Th và bị cáo Nguyễn Thị Thùy Linh Tr đã nộp đủ 600.000 đồng theo 10 theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005196 và biên lai AA/2021/0005197 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo có mặt tại phiên tòa tính từ ngày tuyên án, đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án.

(Đã giải thích chế định về án treo)./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (4)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (2)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (7)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết